ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4163 /QĐ-UBND	*Nam Định, ngày 29 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh giảm dự toán đã giao đầu năm 2026 của các trường MN, TH, THCS; Phân bổ, giao dự toán chi ngân sách phường cho các trường MN, TH, THCS sau sáp nhập

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2026 về việc Quyết định dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; Dự toán thu chi ngân sách địa phương; Quyết định phân bổ dự toán ngân sách địa phương phường Nam Định năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường khóa I, kỳ họp thứ 4;

Căn cứ Quyết định số 4895/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của UBND phường Nam Định về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Đề án số 08/ĐA-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Nam Định về việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn phường Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 3266/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2026 của UBND phường Nam Định về việc thành lập trường Mầm non 8/3;

Căn cứ Quyết định số 3267/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2026 của UBND phường Nam Định về việc thành lập trường Mầm non Hoa Sen;

Căn cứ Quyết định số 3268/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2026 của UBND phường Nam Định về việc thành lập trường Mầm non Hoa Hồng;

Căn cứ Quyết định số 3269/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2026 của UBND phường Nam Định về việc thành lập trường Mầm non Sao Vàng;

Căn cứ Quyết định số 3270/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2026 của UBND phường Nam Định về việc thành lập trường Mầm non Thống Nhất;

Căn cứ Quyết định số 3271/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2026 của UBND phường Nam Định về việc thành lập trường Tiểu học Chu Văn An;

Căn cứ Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2026 của UBND phường Nam Định về việc thành lập trường Tiểu học Nguyễn Tất Thành;

Căn cứ Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2026 của UBND phường Nam Định về việc thành lập trường Tiểu học Trần Quốc Toản;

Căn cứ Quyết định số 3274/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2026 của UBND phường Nam Định về việc thành lập trường Tiểu học Phạm Hồng Thái;

Căn cứ Quyết định số 3275/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2026 của UBND phường Nam Định về việc thành lập trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân;

Căn cứ Quyết định số 3276/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2026 của UBND phường Nam Định về việc thành lập trường THCS Trần Bích San;

Căn cứ Quyết định số 3277/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2026 của UBND phường Nam Định về việc thành lập trường THCS Phùng Chí Kiên;

Căn cứ Quyết định số 3278/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2026 của UBND phường Nam Định về việc thành lập trường THCS Hàn Thuyên;

Căn cứ Quyết định số 3279/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2026 của UBND phường Nam Định về việc thành lập trường THCS Lương Thế Vinh;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 808/TTr-KTHTĐT ngày 28 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giảm dự toán đã giao đầu năm 2026 của các trường MN, TH, THCS; Phân bổ, giao dự toán chi ngân sách phường cho các trường MN, TH, THCS sau sáp nhập *(có phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định này)*.

Nguồn kinh phí: Nguồn đã giao dự toán đầu năm 2026 và dự toán bổ sung cho các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở thuộc phường Nam Định.

Điều 2. Các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở có tên trong phụ lục có trách nhiệm quản lý, điều chỉnh, sử dụng và quyết toán các khoản kinh phí đúng

mục đích, đúng chế độ chính sách trên tại Điều 1 Quyết định này theo đúng chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND - UBND phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Phòng giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực V; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực: Đảng ủy, HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Lưu: VT, P.KTHTDT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG NAM ĐỊNH T. NINH BÌNH

Phạm Hồng Thái

PHỤ LỤC

ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2026 CỦA CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ;

PHÂN BỔ, GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG CHO CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ SAU SÁP NHẬP

(Kèm theo Quyết định số 4163/QĐ-UBND ngày 29/9/2026 của Ủy ban nhân dân phường Nam Định)

Đơn vị: đồng

STT	Tên đơn vị do điều chỉnh tăng giảm	Dự toán chi NSNN năm 2026 trên cơ sở cộng gộp Dự toán của các trường sau sáp nhập							Ghi chú
		Điều chỉnh dự toán 2026 của các đơn vị sau sáp nhập	Dự toán giao đầu năm 2026	Chia ra				Dự toán bổ sung năm 2026	
				Kinh phí cấp bù tiền miễn học phí và Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 238/2025/NĐ-CP	Nguồn Sự nghiệp giáo dục (Quỹ lương + kinh phí hoạt động)	Kinh phí chi tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	Kinh phí tiết kiệm theo NQ 135/NQ-CP		
				Mã nguồn ngân sách 12	Mã nguồn ngân sách 13	Mã nguồn ngân sách 18	Mã nguồn ngân sách 28	Mã nguồn ngân sách 12	
A	**Điều chỉnh giảm dự toán chi NSNN năm 2026 của các trường**	**363,474,600,000**	**362,701,000,000**	**39,691,000,000**	**305,108,843,000**	**16,783,000,000**	**1,118,157,000**	**773,600,000**	
	Khối Mầm non (Chương 822, khoản 071)	**89,654,000,000**	**89,254,000,000**	**5,789,000,000**	**79,015,843,000**	**4,060,000,000**	**389,157,000**	**400,000,000**	
I	**Cộng**	**25,293,000,000**	**25,293,000,000**	**1,293,000,000**	**22,741,843,000**	**1,121,000,000**	**137,157,000**	**-**	
1	Mầm non Sao Vàng	9,013,000,000	9,013,000,000	642,000,000	7,926,000,000	402,000,000	43,000,000		
2	Mầm non Hoa Mai	7,820,000,000	7,820,000,000	295,000,000	7,133,000,000	347,000,000	45,000,000		
3	Mầm non Bình Minh	8,460,000,000	8,460,000,000	356,000,000	7,682,843,000	372,000,000	49,157,000		
II	**Cộng**	**15,072,000,000**	**14,872,000,000**	**1,090,000,000**	**13,049,000,000**	**676,000,000**	**57,000,000**	**200,000,000**	
1	Mầm non 8/3	8,604,000,000	8,404,000,000	645,000,000	7,354,000,000	384,000,000	21,000,000	200,000,000	
2	Mầm non 2/9	6,468,000,000	6,468,000,000	445,000,000	5,695,000,000	292,000,000	36,000,000		
III	**Cộng**	**15,348,000,000**	**15,348,000,000**	**951,000,000**	**13,638,000,000**	**679,000,000**	**80,000,000**	**-**	
1	Mầm non Hoa Hồng	7,531,000,000	7,531,000,000	467,000,000	6,684,000,000	342,000,000	38,000,000		
2	Mầm non Phượng Hồng	7,817,000,000	7,817,000,000	484,000,000	6,954,000,000	337,000,000	42,000,000		
IV	**Cộng**	**16,918,000,000**	**16,718,000,000**	**981,000,000**	**14,931,000,000**	**740,000,000**	**66,000,000**	**200,000,000**	
1	Mầm non số 4	4,589,000,000	4,389,000,000	310,000,000	3,855,000,000	202,000,000	22,000,000	200,000,000	
2	Mầm non Nguyễn Du	8,727,000,000	8,727,000,000	397,000,000	7,908,000,000	391,000,000	31,000,000		
3	Mầm non Hoa Sen	3,602,000,000	3,602,000,000	274,000,000	3,168,000,000	147,000,000	13,000,000		
V	**Cộng**	**17,023,000,000**	**17,023,000,000**	**1,474,000,000**	**14,656,000,000**	**844,000,000**	**49,000,000**	**-**	
1	Mầm non Thống Nhất	11,319,000,000	11,319,000,000	996,000,000	9,712,000,000	583,000,000	28,000,000		
2	Mầm non Mỹ Phúc	5,704,000,000	5,704,000,000	478,000,000	4,944,000,000	261,000,000	21,000,000		
	Khối Tiểu học (Chương 822, khoản 072)	**144,294,000,000**	**144,294,000,000**	**18,154,000,000**	**119,085,000,000**	**6,634,000,000**	**421,000,000**	**-**	

STT	Tên đơn vị do điều chỉnh tăng giảm	Dự toán chi NSNN năm 2026 trên cơ sở cộng gộp Dự toán của các trường sau sáp nhập							Ghi chú
		Điều chỉnh dự toán 2026 của các đơn vị sau sáp nhập	Dự toán giao đầu năm 2026	Chia ra				Dự toán bổ sung năm 2026	
				Kinh phí cấp bù tiền miễn học phí và Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 238/2025/NĐ-CP	Nguồn Sự nghiệp giáo dục (Quỹ lương + kinh phí hoạt động)	Kinh phí chi tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	Kinh phí tiết kiệm theo NQ 135/NQ-CP		
				Mã nguồn ngân sách 12	Mã nguồn ngân sách 13	Mã nguồn ngân sách 18	Mã nguồn ngân sách 28	Mã nguồn ngân sách 12	
I	**Cộng**	**28,767,000,000**	**28,767,000,000**	**3,472,000,000**	**23,885,000,000**	**1,321,000,000**	**89,000,000**	**-**	
1	TH Trần Quốc Toản	11,481,000,000	11,481,000,000	1,579,000,000	9,334,000,000	529,000,000	39,000,000		
2	Tiểu học Lê Quí Đôn	10,264,000,000	10,264,000,000	1,203,000,000	8,562,000,000	468,000,000	31,000,000		
3	TH Lê Hồng Sơn	7,022,000,000	7,022,000,000	690,000,000	5,989,000,000	324,000,000	19,000,000		
II	**Cộng**	**32,903,000,000**	**32,903,000,000**	**3,327,000,000**	**28,060,000,000**	**1,516,000,000**	**88,000,000**	**-**	
1	TH Phạm Hồng Thái	9,365,000,000	9,365,000,000	1,021,000,000	7,883,000,000	428,000,000	33,000,000		
2	TH Nguyễn Văn Trỗi	11,009,000,000	11,009,000,000	1,183,000,000	9,294,000,000	507,000,000	25,000,000		
3	Th Hùng Vương	12,617,000,000	12,617,000,000	1,123,000,000	10,883,000,000	581,000,000	30,000,000		
III	**Cộng**	**28,304,000,000**	**28,304,000,000**	**3,868,000,000**	**23,138,000,000**	**1,298,000,000**	**97,000,000**	**-**	
1	TH Nguyễn Viết Xuân	13,722,000,000	13,722,000,000	2,111,000,000	10,941,000,000	625,000,000	45,000,000		
2	TH Lộc Vượng	6,270,000,000	6,270,000,000	868,000,000	5,088,000,000	289,000,000	25,000,000		
3	Tiểu Học Mỹ Phúc	8,409,000,000	8,409,000,000	889,000,000	7,109,000,000	384,000,000	27,000,000		
IV	**Cộng**	**29,654,000,000**	**29,654,000,000**	**3,957,000,000**	**24,245,000,000**	**1,374,000,000**	**78,000,000**	**-**	
1	TH Chu Văn An	13,950,000,000	13,950,000,000	2,279,000,000	11,007,000,000	648,000,000	16,000,000		
2	TH Kim Đồng	9,578,000,000	9,578,000,000	995,000,000	8,097,000,000	443,000,000	43,000,000		
3	TH Trần Tế Xương	6,126,000,000	6,126,000,000	683,000,000	5,141,000,000	283,000,000	19,000,000		
V	**Cộng**	**24,412,000,000**	**24,412,000,000**	**3,530,000,000**	**19,757,000,000**	**1,125,000,000**	**69,000,000**	**-**	
1	Tiểu học Nguyễn Tất Thành	6,796,000,000	6,796,000,000	1,023,000,000	5,442,000,000	309,000,000	22,000,000		
2	Tiểu học Hồ Tùng Mậu	13,126,000,000	13,126,000,000	1,911,000,000	10,584,000,000	603,000,000	28,000,000		
3	TH Cửa Nam	4,559,000,000	4,559,000,000	596,000,000	3,731,000,000	213,000,000	19,000,000		
	Khối THCS (Chương 822, khoản 073)	**129,526,600,000**	**129,153,000,000**	**15,748,000,000**	**107,008,000,000**	**6,089,000,000**	**308,000,000**	**373,600,000**	
I	**Cộng**	**37,473,400,000**	**37,347,000,000**	**5,169,000,000**	**30,332,000,000**	**1,765,000,000**	**81,000,000**	**126,400,000**	
1	THCS Phùng Chí Kiên	19,529,200,000	19,466,000,000	2,488,000,000	16,016,000,000	920,000,000	42,000,000	63,200,000	
2	THCS Hoàng Văn Thụ	17,905,200,000	17,842,000,000	2,681,000,000	14,316,000,000	845,000,000	39,000,000	63,200,000	
II	**Cộng**	**27,196,400,000**	**27,134,000,000**	**3,257,000,000**	**22,595,000,000**	**1,282,000,000**	**69,000,000**	**62,400,000**	

STT	Tên đơn vị do điều chỉnh tăng giảm	Dự toán chi NSNN năm 2026 trên cơ sở cộng gộp Dự toán của các trường sau sáp nhập							Ghi chú
		Điều chỉnh dự toán 2026 của các đơn vị sau sáp nhập	Dự toán giao đầu năm 2026	Chia ra				Dự toán bổ sung năm 2026	
				Kinh phí cấp bù tiền miễn học phí và Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 238/2025/NĐ-CP	Nguồn Sự nghiệp giáo dục (Quỹ lương + kinh phí hoạt động)	Kinh phí chi tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	Kinh phí tiết kiệm theo NQ 135/NQ-CP		
				Mã nguồn ngân sách 12	Mã nguồn ngân sách 13	Mã nguồn ngân sách 18	Mã nguồn ngân sách 28	Mã nguồn ngân sách 12	
1	THCS Hàn Thuyên	19,400,000,000	19,352,000,000	2,623,000,000	15,812,000,000	917,000,000	39,000,000	48,000,000	
2	THCS Lý Thường Kiệt	7,796,400,000	7,782,000,000	634,000,000	6,783,000,000	365,000,000	30,000,000	14,400,000	
III	**Cộng**	**30,014,600,000**	**29,957,000,000**	**3,735,000,000**	**24,814,000,000**	**1,408,000,000**	**79,000,000**	**57,600,000**	
1	THCS Lương Thế Vinh	16,778,800,000	16,750,000,000	2,047,000,000	13,867,000,000	789,000,000	47,000,000	28,800,000	
2	THCS Lộc Vượng	6,804,400,000	6,790,000,000	880,000,000	5,575,000,000	317,000,000	18,000,000	14,400,000	
3	THCS Mỹ Phúc	6,510,400,000	6,496,000,000	808,000,000	5,372,000,000	302,000,000	14,000,000	14,400,000	
IV	**Cộng**	**34,615,200,000**	**34,488,000,000**	**3,587,000,000**	**29,267,000,000**	**1,634,000,000**	**79,000,000**	**127,200,000**	
1	THCS Trần Bích San	12,612,000,000	12,568,000,000	1,360,000,000	10,586,000,000	591,000,000	31,000,000	44,000,000	
2	THCS Tô Hiệu	5,093,600,000	5,064,000,000	538,000,000	4,271,000,000	243,000,000	12,000,000	29,600,000	
3	THCS Tống Văn Trân	16,988,600,000	16,935,000,000	1,689,000,000	14,410,000,000	800,000,000	36,000,000	53,600,000	
B	**Phân bổ, giao dự toán chi ngân sách phường năm 2026 cho trường mới THCS, MN, TH**	**363,474,600,000**	**362,701,000,000**	**39,691,000,000**	**305,108,843,000**	**16,783,000,000**	**1,118,157,000**	**773,600,000**	
I	**Khối Mầm non (Chương 822, khoản 071)**	**89,654,000,000**	**89,254,000,000**	**5,789,000,000**	**79,015,843,000**	**4,060,000,000**	**389,157,000**	**400,000,000**	
1	Mầm non Sao Vàng	25,293,000,000	25,293,000,000	1,293,000,000	22,741,843,000	1,121,000,000	137,157,000		
2	Mầm non 8/3	15,072,000,000	14,872,000,000	1,090,000,000	13,049,000,000	676,000,000	57,000,000	200,000,000	
3	Mầm non Hoa Hồng	15,348,000,000	15,348,000,000	951,000,000	13,638,000,000	679,000,000	80,000,000		
4	Mầm non Hoa Sen	16,918,000,000	16,718,000,000	981,000,000	14,931,000,000	740,000,000	66,000,000	200,000,000	
5	Mầm non Thống Nhất	17,023,000,000	17,023,000,000	1,474,000,000	14,656,000,000	844,000,000	49,000,000		
II	**Khối Tiểu học (Chương 822, khoản 072)**	**144,294,000,000**	**144,294,000,000**	**18,154,000,000**	**119,085,000,000**	**6,634,000,000**	**421,000,000**	-	
1	Tiểu học Trần Quốc Toản	28,767,000,000	28,767,000,000	3,472,000,000	23,885,000,000	1,321,000,000	89,000,000		
2	Tiểu học Phạm Hồng Thái	32,991,000,000	32,991,000,000	3,327,000,000	28,060,000,000	1,516,000,000	88,000,000		
3	Tiểu học Nguyễn Viết Xuân	28,401,000,000	28,401,000,000	3,868,000,000	23,138,000,000	1,298,000,000	97,000,000		
4	Tiểu học Chu Văn An	29,654,000,000	29,654,000,000	3,957,000,000	24,245,000,000	1,374,000,000	78,000,000		
5	Tiểu học Nguyễn Tất Thành	24,481,000,000	24,481,000,000	3,530,000,000	19,757,000,000	1,125,000,000	69,000,000		
III	**Khối THCS (Chương 822, khoản 073)**	**129,526,600,000**	**129,153,000,000**	**15,748,000,000**	**107,008,000,000**	**6,089,000,000**	**308,000,000**	**373,600,000**	
1	THCS Phùng Chí Kiên	37,473,400,000	37,347,000,000	5,169,000,000	30,332,000,000	1,765,000,000	81,000,000	126,400,000	

STT	Tên đơn vị do điều chỉnh tăng giảm	Dự toán chi NSNN năm 2026 trên cơ sở cộng gộp Dự toán của các trường sau sáp nhập							Ghi chú
		Điều chỉnh dự toán 2026 của các đơn vị sau sáp nhập	Dự toán giao đầu năm 2026	Chia ra				Dự toán bổ sung năm 2026	
				Kinh phí cấp bù tiền miễn học phí và Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 238/2025/NĐ-CP	Nguồn Sự nghiệp giáo dục (Quỹ lương + kinh phí hoạt động)	Kinh phí chi tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	Kinh phí tiết kiệm theo NQ 135/NQ-CP		
				Mã nguồn ngân sách 12	Mã nguồn ngân sách 13	Mã nguồn ngân sách 18	Mã nguồn ngân sách 28	Mã nguồn ngân sách 12	
2	THCS Hàn Thuyên	27,265,400,000	27,203,000,000	3,257,000,000	22,595,000,000	1,282,000,000	69,000,000	62,400,000	
3	THCS Lương Thế Vinh	30,093,600,000	30,036,000,000	3,735,000,000	24,814,000,000	1,408,000,000	79,000,000	57,600,000	
4	THCS Trần Bích San	34,694,200,000	34,567,000,000	3,587,000,000	29,267,000,000	1,634,000,000	79,000,000	127,200,000	